

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC**  
NORTHERN TEXTILES AND GARMENTS JOINT STOCK COMPANY (TEXTACO)  
Địa chỉ : 37 Lý Thường Kiệt –Hoàn kiếm –Hà nội.

---



# **BÁO CÁO**

## **THƯỜNG NIÊN NĂM 2013**

Hà nội, ngày 05 tháng 5 năm 2014



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc

Năm báo cáo: 2013

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần vải sợi may mặc miền Bắc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100108127
- Vốn điều lệ: 57.029.400.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 57.029.400.000 đồng
- Địa chỉ: 37 Lý Thường Kiệt, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại: 04.39360808
- Số Fax: 04.39360909
- Website: [www.textaco.vn](http://www.textaco.vn)
- Mã cổ phiếu: TET

### 2. Quá trình hình thành và phát triển.

#### 2.1. Những sự kiện quan trọng

- Công ty cổ phần vải sợi may mặc miền Bắc (TEXTACO) tiền thân là Tổng công ty vải sợi may mặc thuộc Bộ Thương Mại, chuyên sản xuất kinh doanh ngành hàng vải sợi may mặc.

Ngày 27/5/1957, Nhà nước quyết định thành lập Tổng công ty Bông vải sợi thuộc Bộ Thương Nghiệp - Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, sau đó đổi thành Cục Bông vải sợi (8 -12 -1960), Cục vải sợi may mặc (16 -7 -1962), Tổng công ty vải sợi may mặc (24 -11-1970). Từ 22/2/1995 chuyển thành Công ty vải sợi may mặc miền Bắc và lấy ngày 27/5 hàng năm là ngày truyền thống được ghi trong điều lệ thành lập của Công ty.

Năm 2004, Công ty Vải sợi may mặc Miền Bắc thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định 187/2004/NĐ – CP của Chính phủ về việc chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Ngày 06 tháng 10 năm 2004, Bộ Thương Mại đã ban hành Quyết định số 1439/QĐ – BTM về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Vải sợi may mặc Miền Bắc thành Công ty Cổ phần. Đến tháng 7 năm 2005, công ty đã chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với số vốn điều lệ là 23.000.000.000 đồng.

Ngày 04/02/2007 Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc đã thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ 20% (VĐL) là 4,6 tỷ đồng theo phương thức phân phối trên số cổ phần cổ đông hiện hữu đang nắm giữ, nâng vốn điều lệ từ 23.000.000.000 đồng lên 27.600.000.000 đồng .

Ngày 16/02/2008 Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ theo phương thức trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và người lao động trong Công ty, nâng vốn điều lệ từ 27.600.000.000 đồng lên 42.889.780.000 đồng và phát hành 100.000 trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 01 năm với mệnh giá 100.000 đồng/1 trái phiếu.



Ngày 03/12/2008 Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phần tăng vốn điều lệ theo phương thức phát hành cổ phiếu thưởng, nâng vốn điều lệ từ 42.889.780.000 đồng lên 47.029.400.000 đồng.

Thực hiện theo phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 325/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 04 tháng 09 năm 2008, ngày 30/09/2009 Công ty đã tiến hành chuyển đổi 100.000 trái phiếu Textaco thành cổ phần phổ thông theo tỷ lệ 1:10 (một trái phiếu thành 10 cổ phiếu) chính thức nâng vốn điều lệ của Công ty lên 57.029.400.000 đồng.

Ngày 28/10/2009, Công ty Cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc đã thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc niêm yết bổ sung 1 triệu cổ phiếu được chuyển đổi từ số trái phiếu chuyển đổi này.

## 2.2 Quá trình phát triển

Tháng 07/2005, Textaco đã chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Với cơ chế quản lý, điều hành thay đổi theo hướng linh hoạt, năng động và hiệu quả phù hợp hơn với yêu cầu của thị trường, đã góp phần đẩy mạnh các hoạt động SXKD và tiêu thụ sản phẩm, nhờ đó kết quả lợi nhuận đã tăng trưởng mạnh, Lợi nhuận sau thuế năm 2006 đạt 4,1 tỷ đồng, năm 2007 đạt 8,8 tỷ đồng tăng hơn 100% so với năm 2006, năm 2008 đạt 5,9 tỷ đồng, năm 2009 đạt trên 8 tỷ đồng, năm 2010 đạt 9,4 tỷ đồng và năm 2011 đạt trên 26 tỷ đồng (nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2006, 2007, 2008, 2009, 2010 và BCTC năm 2011)

Ngày 20 tháng 04 năm 2010 cổ phiếu của Công ty CP vải sợi may mặc miền Bắc đã chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch Hà Nội, mã chứng khoán TET số lượng 5.702.940 CP.

Textaco có uy tín trên thị trường xuất khẩu nhiều năm, là Công ty xuất khẩu mạnh trong ngành dệt may, được nhiều khách hàng nước ngoài biết đến. Nhà máy may xuất khẩu Lạc Trung tiền thân là Xí nghiệp may mặc nội thương được thành lập từ năm 1979) có bề dày về kinh nghiệm nghề may gần 30 năm, luôn giữ được những khách hàng truyền thống là những hãng kinh doanh hàng may mặc nổi tiếng trên toàn thế giới. Trong những năm qua, sản phẩm của nhà máy đã chiếm lĩnh thị trường Châu Âu, Mỹ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản... với chất lượng ngày càng được củng cố, được nhiều khách hàng đến và đặt quan hệ lâu dài.

## 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

### 3.1 Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng, kinh doanh dịch vụ kho, nhà xưởng, văn phòng làm việc;
- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt, may, bông, vải, sợi, thuốc nhuộm, hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm), hàng đồ da và giả da, hàng điện máy, nguyên liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị, nông lâm sản, thực phẩm, thủy sản, vật liệu xây dựng, giấy và văn phòng phẩm.

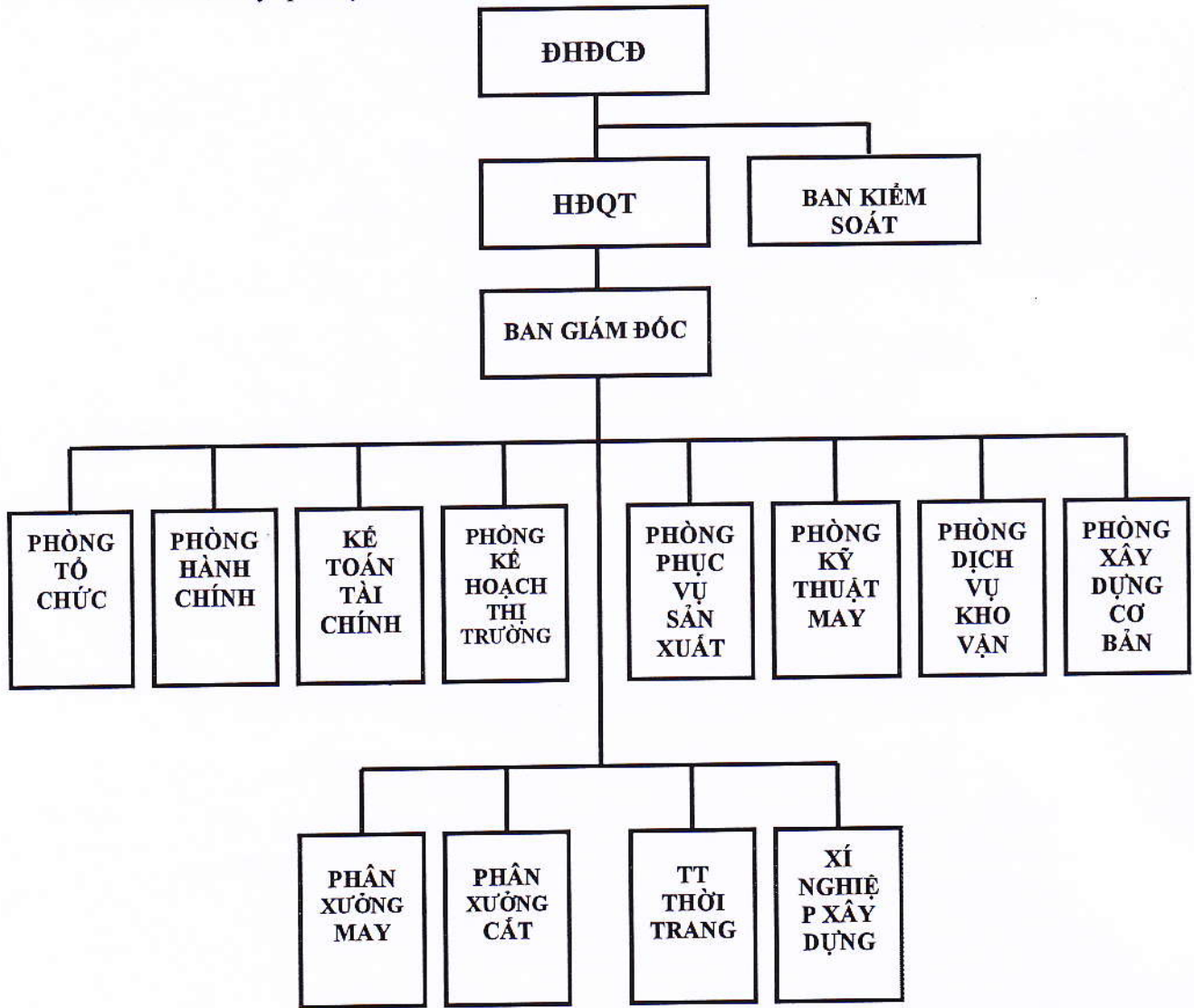
### 3.2 Địa bàn kinh doanh: Hà nội và Thành phố Hồ Chí Minh

## 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

- | Tên đơn vị   | Địa chỉ   |
|--|---|
| - Chi nhánh Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc - Xi nghiệp xây dựng           | Số 79 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.              |
| - Chi nhánh Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc - Trung tâm thời trang TEXTACO | Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.            |
| - Công ty TNHH một thành viên Vải sợi may mặc miền Bắc II (Công ty con)        | Số 51 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. |

5. Định hướng phát triển của công ty

Nhận thức rõ được những thuận lợi và khó khăn của ngành dệt may khi Việt Nam gia nhập WTO, Textaco đã chủ động đi trước đón đầu với những bước chuẩn bị tích cực, chủ động và trên cơ sở bám sát định hướng phát triển chung của ngành và xu thế chung của thế giới, phát huy triệt để nội lực của Công ty, tận dụng tối đa cơ hội để đứng vững và phát triển trong môi trường báo hiệu nhiều sự cạnh tranh gay gắt sắp tới, cụ thể như sau:



Chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác được với các tập đoàn, công ty nổi tiếng của nước ngoài; đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh; đầu tư công nghệ hiện đại; nâng cao chất lượng lao động; cải tiến công tác quản lý; thúc đẩy marketing; duy trì và tăng cường các mối quan hệ với bạn hàng truyền thống...

**6. Các rủi ro:** Sự suy thoái của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt nam nói riêng, gây tác động không nhỏ tới tình hình hoạt động của các Doanh nghiệp trong và ngoài nước làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện các mục tiêu của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

- Trong năm 2013 Công ty đã đạt được
  - + Doanh thu thuần : 52.418.146.077đ
  - + Lợi nhuận trước thuế : 3.858.403.083đ
  - + Lợi nhuận sau thuế : 2.718.364.506đ
  - + Lãi cơ bản trên cổ phiếu : 477
- Tài chính công ty lành mạnh, không có nợ quá hạn.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch.

DIỄN GIẢI	Năm 2013		So KH(%)
	Kế hoạch	Thực hiện	
I. Tổng doanh thu về BH & CCDV	57.815.000.000	52.418.146.077	90,66%
1. Doanh thu sản xuất	11.800.000.000	13.631.462.277	115,52%
2. Doanh thu Kinh doanh thương mại	18.500.000.000	8.008.861.627	43,29%
3. Doanh thu dịch vụ	27.515.000.000	30.777.822.173	111,86%
II. Lợi nhuận sau thuế	8.521.000.000	2.718.364.506	31,90%
1. Quỹ dự phòng 5% LNST	426.000.000	125.000.000	29,34%
Tỷ lệ cổ tức trên VCSH (%)	20	10	50%

### 2. Tổ chức và nhân sự.

#### \* BAN GIÁM ĐỐC:

1. Vũ Văn Thiệu : Tổng Giám đốc.
2. Nguyễn Thị Bích Mùi : Phó Tổng Giám đốc – Kế toán trưởng.
3. Lê Kim Hoa : Phó Tổng Giám đốc.

#### Tóm tắt lý lịch :

##### 1. Vũ Văn Thiệu – Tổng Giám đốc

Họ và tên : VŨ VĂN THIỂU Giới tính : Nam

Chức danh : Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 16/03/1953

Nơi sinh : Thái Bình

CMTND : 0200775899 cấp ngày 28/07/2008 do CA TP.HCM cấp

Quốc tịch : Việt nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Thái Bình.

Địa chỉ thường trú : 23/24 hẻm C1 Cộng hòa, phường 13, Q.Tân Bình, TP.HCM

ĐT liên lạc ở cơ quan : 04.39387772

Trình độ Văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác :

- Từ 9/1976 đến 4/1995 Chuyên viên Công ty may mặc dệt kim miền Nam
- Từ 5/1995 đến 10/1995 Phó Giám đốc chi nhánh Công ty vải sợi may mặc TP Hồ Chí Minh.
- Từ 11/1995 đến 6/2005 Giám đốc chi nhánh vải sợi may mặc TP Hồ Chí Minh.
- Từ 7/2005 đến 3/2012 : UV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH 1 thành viên vải sợi may mặc miền Bắc II.
- Từ 4/2012 đến nay : UV HĐQT, Tổng Giám đốc.

Số cổ phần sở hữu và đại diện : 293.773 cổ phần.

Sở hữu : 293.773 cổ phần.

Đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

## **2. Nguyễn Thị Bích Mùi – Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

Họ và tên : NGUYỄN THỊ BÍCH MÙI Giới tính : Nữ

Chức danh : TV Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc – Kế toán trưởng

Ngày sinh : 25/10/1950

Nơi sinh : Thái Bình

CMTND : 012983001 do CA HN cấp ngày 31/05/2007

Quốc tịch : Việt nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Thái Bình

Địa chỉ thường trú : Số 1B ngõ 352 Giải phóng, P.Phương liệt, Thanh xuân, Hà Nội

ĐT liên lạc ở cơ quan : 04.39368858

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân ngành Kế toán



Quá trình công tác

- Từ 8/1975 – 1977 : Kế toán viên
- Từ 1978 – 1986 : Phó phòng kế toán Trung tâm bán buôn vải sợi.
- Từ 1987 đến 1996 : Trưởng phòng kế toán Trung tâm bán buôn vải sợi.
- Từ 1997 đến 2001 : Trưởng phòng kế toán xí nghiệp sản xuất hàng may xuất khẩu Giáp Bát.
- Từ 2002 đến 06/2005 : Kế toán trưởng Công ty vải sợi may mặc miền Bắc.
- Từ 7/2005 đến nay : UV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP vải sợi may mặc miền Bắc.

Số cổ phần sở hữu và đại diện : 111.085 cổ phần.

- Sở hữu : 111.085 cổ phần.

- Đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

### **3. Lê Kim Hoa : Phó Tổng Giám đốc.**

Họ và tên : LÊ KIM HOA

Giới tính : Nữ

Chức danh : Phó Tổng Giám đốc.

Ngày sinh : 01/10/1961

Nơi sinh : Hà nội

CMTND : 011207685 do CA HN cấp 04/04/2007

Quốc tịch : Việt nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hà Nội.

Địa chỉ thường trú : P.11B-N2, Tập thể Binh đoàn 12, Tổ 57, Q.Đống Đa, Hà Nội

ĐT liên lạc ở cơ quan : 04.39387773

Trình độ Văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân ngành Kinh tế.

Quá trình công tác :

- Từ 4/1985 đến 7/1985 : Giáo viên dạy BTVH Binh đoàn 12
- Từ 8/1985 đến 1/2002 : Chuyên viên phòng Tổ chức cán bộ - LĐTL TEXTACO
- Từ 2/2002 đến 11/2004 : Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động tiền lương.
- Từ 12/2004 đến 6/2005 : Trưởng phòng Hành chính TEXTACO
- Từ 7/2005 đến 3/2012 : Trưởng ban kiểm soát , Trưởng phòng Hành chính Textaco.
- Từ 4/2012 đến nay : Phó Tổng Giám đốc.

Số cổ phần sở hữu và đại diện : 67.391 cổ phần.

Sở hữu : 67.391 cổ phần.



Đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu của những người liên quan : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

\* Số lượng cán bộ CNV – Lao động.

Tính đến ngày 31/12/2013, tổng số lao động của công ty là 299 người, cơ cấu lao động như sau:

Đơn vị: người

Yếu tố	Số lượng			Tỷ lệ(%)
	Nam	Nữ	Tổng	
- Số lượng lao động	55	244	299	100
- Phân theo trình độ chuyên môn			299	100
Trên đại học và đại học	10	22	32	10,7
Cao đẳng, trung học	30	8	38	12,7
Công nhân kỹ thuật	15	214	229	76,6
Lao động phổ thông	-	-	-	-
- Phân theo hợp đồng	55	244	299	100
Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	48	219	267	89,3
Lao động hợp đồng dưới 1 năm	-	7	7	2,3
Lao động hợp đồng từ 1-3 năm	7	10	17	5,7
Lao động thời vụ	-	8	8	2,7

- Chính sách đối với người lao động

Với chiến lược phát triển hiện nay, Công ty xác định yếu tố “ con người” đóng vai trò quan trọng tới sự thành công hay thất bại của Công ty. Vì vậy, nhân tố con người được Công ty chú trọng đầu tư rất lớn. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức lương hấp dẫn, Công ty luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để người lao động phát huy khả năng sáng tạo, tính năng động, nhiệt tình từ đó góp phần tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật lao động và các quy định của Pháp luật. Thời gian làm việc của cán bộ công nhân viên 8h/ngày (từ 7h30 – 16h30 hàng ngày) từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Bộ phận quản lý, gián tiếp sản xuất được nghỉ ngày thứ bảy và Chủ nhật. Đối với khu vực trực tiếp sản xuất, công nhân thay phiên nhau nghỉ theo tiêu chuẩn 1,5 ngày trong tuần.

Các chế độ chính sách về làm thêm giờ, nghỉ phép, lễ, tết, nghỉ ốm đau thai sản theo qui định của nhà nước.

Về điều kiện làm việc: văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Công ty có chế độ đồng phục cho CBCNV và trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt để CBCNV có điều kiện phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

- Chính sách tuyển dụng, đào tạo



Textaco xác định để tiếp tục tồn tại và phát triển trong quá trình hội nhập thì yếu tố tạo nên sự cạnh tranh không chỉ là máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ mà yếu tố con người cũng đóng vai trò hết sức quan trọng. Chính vì thế, Công ty đã từng bước xây dựng chính sách thu hút người tài cũng như hoạt động đào tạo cho toàn thể nhân viên.

- Về chế độ tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực: quy trình tuyển dụng của Công ty được xây dựng chặt chẽ và khoa học, thực hiện theo quy chế quản lý, sử dụng và tuyển dụng lao động của công ty. Bên cạnh việc đăng tải thông tin tuyển dụng rộng rãi trên các phương tiện báo chí, website, Công ty còn có sự hợp tác với các trường Đại học, cao đẳng, các trường dạy nghề. Nhờ vậy, Công ty có nhiều cơ hội tiếp cận và thu hút được đội ngũ nhân viên có trình độ tay nghề cao, giàu kinh nghiệm.

- Về chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: trong năm Công ty đã tổ chức huấn luyện cho cán bộ công nhân viên dưới nhiều hình thức: mời cán bộ về giảng dạy, đào tạo nội bộ,...nhằm mục đích nâng cao tay nghề, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên, cho các bộ phận trong công ty như bộ phận sản xuất, bán hàng, quản trị tài chính, quản trị nhân sự,.....

- Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

+ Chế độ lương: Textaco thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên căn cứ vào hiệu quả công việc, theo Quy chế quản lý và phân phối tiền lương của Công ty. Tùy theo tính chất công việc của từng bộ phận trực tiếp hoặc gián tiếp kinh doanh, Công ty thực hiện việc trả lương theo 2 hình thức: theo thời gian hoặc lương khoán theo hiệu quả kinh doanh. Chế độ nâng lương cho CBCNV được thực hiện hàng năm theo chế độ quy định hiện hành của Luật lao động và của Công ty trên cơ sở quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV.

+ Chế độ thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, tiết giảm chi phí, qua đó thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm, Textaco đã thực hiện chính sách thưởng thường xuyên cho cán bộ bán hàng theo lượng hàng bán ra và thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho CBCNV khu vực trực tiếp sản xuất, cũng như CBCNV các bộ phận phục vụ khác.

+ Chính sách trợ cấp: ngoài tiền lương, thưởng, người lao động ở Công ty còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV của Công ty. Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát trong nước ít nhất 1 lần.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

4. Tình hình tài chính.

a. Tình hình tài chính.

CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	%tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	82.380.812.841	86.657.776.002	+ 5,2
Doanh thu thuần	47.892.694.992	52.418.146.077	+ 9,4
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.433.865.777	12.896.393.071	+ 12,8
Lợi nhuận khác	774.184.382	-9.037.989.988	-1.267,4



Lợi nhuận trước thuế	12.208.050.159	3.858.403.083	- 68,4
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20	13,8	- 31

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn.	1,95	1,41	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	1,75	1,32	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	13,97	22,9	
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	16,21	34,8	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	12,10	11,2	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,58	0,60	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận ST/Doanh thu thuần	19,27	5,18	
+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	13,03	4,80	
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản	11,21	3,13	
+ Hệ số LN từ hoạt động SXKD/ DT thuần	23,87	24,60	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần: 5.702.940 Cổ phiếu phổ thông.

b. Cơ cấu cổ đông:

	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá	Tỷ lệ (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	273	5.702.940	57.029.400.000	100%
Trong đó:				
1. Cổ đông lớn	2	1.927.887	19.278.870.000	33,8%
2. Cổ đông khác	271	3.775.053	37.750.530.000	66,2%
Trong đó:				
1. Cổ đông pháp nhân	7	1.637.957	16.379.700.000	28,7%
2. Cổ đông thể nhân	266	4.064.983	40.649.830.000	71,3%
Trong đó:				
1. Cổ đông VN	273	5.702.940	57.029.400.000	100%
2. Cổ đông nước ngoài	0	0	0	

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e. Các chứng khoán khác: không



### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhìn chung trong giai đoạn kinh tế khó khăn hiện nay, thị trường trong và ngoài nước vẫn chưa thoát khỏi khủng hoảng. Với nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty trong năm 2013 Công ty vẫn đạt được:

+ Doanh thu thuần	: 52.418.146.077 đ
+ Lợi nhuận trước thuế	: 3.858.403.083 đ
+ Lợi nhuận sau thuế	: 2.718.364.506 đ
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	: 477

#### 2. Tình hình tài chính.

##### a. Tình hình tài sản.

Tình hình tài sản biến động tăng so với năm 2012 là 5,2% do trong năm 2013 Công ty đã đầu tư lắp đặt trạm biến áp 400KVA và một số trang thiết bị tại khu vực Đức Giang.

##### b. Tình hình nợ phải trả.

Nợ phải trả năm 2013 :19.873.992.872 VNĐ, năm 2012 :11.513.839.613đ , tăng 8.360.153.259 đ tương ứng 72,6 %, chủ yếu do ảnh hưởng của việc điều chỉnh tăng giá thuê đất của Nhà nước.

#### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức , chính sách, quản lý.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Năm 2014 là năm thứ năm Công ty cổ phần vải sợi may mặc miền Bắc thực hiện niêm yết trên sàn chứng khoán Hà nội (HNX) tính công khai minh bạch với việc thực hiện quy chế và điều lệ trên cơ sở luật pháp và quy luật thị trường đương nhiên định hướng phát triển Công ty tuân theo các quy định quản lý, quản trị của một Công ty niêm yết mọi diễn biến trong hoạt động cần phải đảm bảo các điều kiện để giá cổ phiếu ổn định và tăng trưởng hợp lý.

Những định hướng cụ thể:

- Sản xuất: Duy trì sản lượng, cố gắng không lỗ và tăng thu nhập cho người lao động, xây dựng cơ cấu lao động hợp lý, kỷ luật lao động chặt chẽ thực hiện đầy đủ quyền lợi chế độ cho người lao động theo quy định của Nhà nước và có phúc lợi tập thể. Tìm kiếm hướng đầu tư mới như mua thương hiệu, liên doanh để giữ được ngành nghề kinh doanh truyền thống của Công ty và có điều kiện phát triển lâu dài.

Việc di chuyển cơ sở sản xuất cần có phương án tính kỹ về hiệu quả và giải quyết tốt các vấn đề xã hội đời sống của người lao động, năm 2014 kiên quyết hạch toán đúng, đủ và không lỗ trong sản xuất.

- Thương mại: Tìm đối tác và thị trường để duy trì hoạt động buôn bán nguyên phụ liệu vải sợi may mặc, chú trọng thị trường thành phố Hồ Chí Minh. Quan tâm mở rộng mặt hàng khác trong kinh doanh xuất nhập khẩu để tận dụng các ưu thế sẵn có về vốn, ngoại tệ, kho bãi... cần có thêm yếu tố nhân sự và một cơ chế quản lý phù hợp cho quyền lợi trách nhiệm của những người làm công tác kinh doanh.

- Kho vận: Coi hoạt động dịch vụ kho vận là hoạt động tạo nguồn thu chính để cân bằng tài chính, giải quyết quyền lợi cổ đông và người lao động. Với cơ sở vật chất hiện có diện tích cho thuê tại các khu vực như sau:



**+ Hà nội:**

352 đường Giải phóng :	Văn phòng	: 2.604 m <sup>2</sup>
	Siêu thị	: 1.100 m <sup>2</sup>
79 Lạc Trung:	Văn phòng	: 1.234 m <sup>2</sup>
	Kho	: 10.013m <sup>2</sup>
Số 26 ngõ 53 Đức Giang:	Văn phòng	: 230 m <sup>2</sup>
	Kho	: 23.278 m <sup>2</sup>

**+ TP. HCM:**

Kho	: 800 m <sup>2</sup>
Văn phòng	: 300 m <sup>2</sup>

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến Kiểm toán( nếu có)

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2013 là năm có nhiều khó khăn, nền kinh tế thế giới và trong nước giảm sút, việc huy động vốn khó khăn, lãi suất cao khiến nhiều doanh nghiệp phải hạn chế sản xuất thậm chí ngừng hoạt động. Tình hình đó đã tác động lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên với sự cố gắng lớn của CBCNV, dưới sự điều hành của Ban giám đốc và chủ trương của Hội đồng quản trị, năm 2013 đã đạt được thành tích đáng kể. Cụ thể:

- Doanh thu đạt 90,66% ( TH/KH)
- So với năm 2012 đạt 109,45%

Trong đó:

Doanh thu dịch vụ đạt 111,85%, so KH. Và đạt 107,32% với TH năm 2012

Sản xuất đạt 115,52% KH

- Lợi nhuận sau thuế: 2.718.364.506 đồng
- Thu nhập Toàn Công ty: 3.903.628 đồng/người/tháng.

Trong đó Công ty con: 1.781.250 đồng/người/ tháng

- Cổ tức:

Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2013 là 18-20%

Thực chi cổ tức 2013 là 10% bằng 5.702.940 đồng.

- Công tác quản lý:

Đã thường xuyên được quan tâm. Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán không có nợ xấu. Nói tóm lại, trong hoàn cảnh khó khăn, công ty đã cố gắng phấn đấu thực hiện kế hoạch đề ra và chỉ tiêu nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2013. Mặc dù một số chỉ tiêu không đạt hiệu quả song HĐQT đề nghị Ban điều hành cần quan tâm sát sao hơn nữa tới hoạt động chung của doanh nghiệp,

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.**



Năm 2013 dưới sự điều hành của Ban giám đốc, Công ty đã đạt được kết quả nhất định như đã nêu ở phần trên. Song công ty cần mở rộng hoạt động kinh doanh đảm bảo hiệu quả, an toàn vốn đồng thời tận dụng tốt những chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhằm nâng cao đời sống người lao động và cổ tức cho cổ đông.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Mục tiêu phấn đấu là: Cổ tức đạt từ 13-15% và thu nhập của người lao động tăng từ 7-8%

- Sắp xếp lại phòng ban công ty trên tinh thần gọn nhẹ, hiệu quả. Đáp ứng yêu cầu của cơ chế thị trường.

- Tiếp tục nghiên cứu để xây dựng phương án tổ chức lại Công ty TNHH MTV vải sợi may mặc miền Bắc II khả thi: kiên quyết xử lý dứt điểm.

- Tổng kiểm tra và đánh giá chất lượng cơ sở vật chất của Công ty để xây dựng kế hoạch đầu tư trước mắt và lâu dài

- Có kế hoạch đào tạo và quy hoạch cán bộ, mạnh dạn sử dụng lớp cán bộ trẻ vào vị trí quản lý.

- Tăng cường công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và cán bộ quản lý trong công ty để đảm bảo tính trung thực, minh bạch đối với công ty tham gia niêm yết.

- Tiếp tục cử các thành viên HĐQT, BKS, tổ thư ký tham gia lớp học do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức.

## V. Quản trị Công ty.

### 1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Gồm 5 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Đình Văn Tông	Chủ tịch	
2.	Phạm Ngọc Phán	Phó Chủ tịch	
3.	Vũ Văn Thiều	Ủy viên	
4.	Nguyễn Như Lâm	Ủy viên	
5.	Nguyễn Thị Bích Mùi	Ủy viên	

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tổ thư ký: Gồm 3 thành viên: 01 Tổ trưởng và 02 ủy viên

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Võ Văn Bá	Tổ trưởng
2	Phạm Khắc Sở	Thành viên
3	Phùng Thị Kim Lan	Thành viên



- c. Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hoạt động theo Điều lệ Công ty.
- d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hoạt động theo Điều lệ Công ty.
- e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Hoạt động theo Điều lệ Công ty.
- f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

## 2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát: gồm 5 thành viên

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1.	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Trưởng BKS	
2.	Bà Thân Thị Quế	Ủy viên	
3.	Ông Bùi Hữu Nam	Ủy viên	
4.	Bà Phạm Thị Khánh Hòa	Ủy viên	
5.	Ông Nguyễn Minh Ngọc	Ủy viên	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát: Hoạt động theo Điều lệ Công ty.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích :

- Tiền lương của BGD, HĐQT, BKS tham gia quản lý Công ty ăn lương theo quy chế trả lương doanh nghiệp của Công ty, cụ thể :

TT	Họ và tên	Chức danh	Mức lương/tháng	Ghi chú
1	Vũ Văn Thiệu	UV HĐQT - Tổng Giám đốc	20.000.000	
2	Nguyễn Thị Bích Mùi	UV HĐQT- PTGD-KTT	13.000.000	
3	Lê Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc	13.000.000	
4	Nguyễn Thị Bích Thủy	TPHC – Trưởng BKS	8.000.000	
5	Thân Thị Quế	GĐĐHSX – UV BKS	8.000.000	

- Tiền thù lao, phụ cấp trách nhiệm HĐQT, BKS, BTK, ĐHCĐ đã thông qua .

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao/tháng	Ghi chú
1	Đình Văn Tông	Chủ tịch HĐQT	9.000.000	
2	Phạm Ngọc Phán	Thành viên HĐQT	5.000.000	
3	Nguyễn Như Lâm	Thành viên HĐQT	4.500.000	
4	Nguyễn Thị Bích Mùi	Thành viên HĐQT	4.500.000	
5	Vũ Văn Thiệu	Thành viên HĐQT	4.500.000	
6	Nguyễn Thị Bích Thủy	Ủy viên BKS	2.500.000	
7	Thân Thị Quế	Ủy viên BKS	2.000.000	



8	Phạm Thị Khánh Hòa	Ủy viên BKS	2.000.000	
9	Bùi Hữu Nam	Ủy viên BKS	2.000.000	
10	Nguyễn Minh Ngọc	Ủy viên BKS	2.000.000	
11	Võ Văn Bá	Thư ký công ty	1.500.000	
12	Phạm Khắc Sở	Thư ký công ty	1.000.000	
13	Phùng Thị Kim Lan	Thư ký công ty	1.000.000	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Thân Thị Quế	87.160	1,52%	92.160	1,61%	Mua

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đúng Quy chế quản trị và Điều lệ Công ty.



## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán



#### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4, 168 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: (84-4) 3577 0781; Fax: (84-4) 3577 0787

Email: vaco@vaco.com.vn

Website: www.vaco.com.vn

Số: 055 /VACO/BCKT.NF2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20/3/2014, từ trang 03 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0517-2013-156-1

Nguyễn Phương Lan  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0917-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO  
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014



## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC  
Số 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

### BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN/HN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>27.990.121.163</b>	<b>22.393.151.698</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	21.264.236.503	18.005.490.451
1. Tiền	111		3.774.236.503	1.345.490.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.490.000.000	16.660.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.362.756.332	1.845.061.133
1. Phải thu khách hàng	131	6	3.474.232.752	1.542.858.822
2. Trả trước cho người bán	132		222.400.000	205.962.171
3. Các khoản phải thu khác	135		666.123.580	96.240.140
III. Hàng tồn kho	140	7	1.507.315.624	2.322.742.580
1. Hàng tồn kho	141		1.853.173.562	2.322.742.580
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(345.857.938)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		855.812.704	219.857.534
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		128.631.976	110.339.103
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		492.957.674	10.518.431
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		197.930.000	99.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)</b>	<b>200</b>		<b>58.667.654.839</b>	<b>59.987.661.143</b>
I. Tài sản cố định	220		57.177.581.741	59.436.504.018
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	57.177.581.741	59.436.504.018
- Nguyên giá	222		88.089.541.925	91.650.708.726
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.911.960.184)	(32.214.204.708)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.490.073.098	551.157.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.490.073.098	551.157.125
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>86.657.776.002</b>	<b>82.380.812.841</b>

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÁU SỐ B 01 - DN/HN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>19.873.992.872</b>	<b>11.513.839.613</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.786.720.144</b>	<b>11.491.421.431</b>
1. Phải trả người bán	312	10	3.990.692.973	1.467.243.509
2. Người mua trả tiền trước	313		64.535.324	52.734.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	9.878.606.355	5.741.337.280
4. Phải trả người lao động	315	12	1.287.432.182	949.243.636
5. Chi phí phải trả	316		175.756.255	196.126.005
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	3.800.037.680	2.410.479.508
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		589.659.375	674.257.375
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>87.272.728</b>	<b>22.418.182</b>
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		87.272.728	22.418.182
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>	<b>14</b>	<b>66.783.783.130</b>	<b>70.866.973.228</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>66.783.783.130</b>	<b>70.866.973.228</b>
1. Vốn điều lệ	411		57.029.400.000	57.029.400.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.932.018.600	3.472.018.600
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.104.538.136	2.642.580.909
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.717.826.394	7.722.973.719
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>86.657.776.002</b>	<b>82.380.812.841</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
1. Ngoại tệ (USD)			2.479,67	2.564,63



Vũ Văn Thiều  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Bích Mùi  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 02 - DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	52.418.146.077	47.892.694.992
2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	16	29.565.282.863	28.114.020.033
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=01-11)	20		22.852.863.214	19.778.674.959
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.400.584.917	3.417.164.397
5. Chi phí tài chính	22		-	312.708
6. Chi phí bán hàng	24		2.117.694.900	2.087.270.903
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	9.239.360.160	9.674.389.968
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		12.896.393.071	11.433.865.777
9. Thu nhập khác	31		4.724.336.715	4.903.521.518
10. Chi phí khác	32		13.762.326.703	4.129.337.136
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40	20	(9.037.989.988)	774.184.382
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.858.403.083	12.208.050.159
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	1.140.038.577	2.976.333.533
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		2.718.364.506	9.231.716.626
15.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
15.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty	62		2.718.364.506	9.231.716.626
16. Lợi trên cổ phiếu	70	22	477	1.619



Vũ Văn Thiều  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Bích Mùi  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 03 - DN/HN  
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	56.912.835.220	62.403.500.751
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(20.240.671.806)	(15.188.135.461)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(11.550.976.586)	(17.933.721.171)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(7.205.780.148)	(4.711.280.277)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	4.885.997.631	77.062.956
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(14.109.755.099)	(2.669.620.326)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>8.691.649.212</b>	<b>21.977.806.472</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.339.037.000)	(863.891.718)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	161.444.000
3. Tiền chi cho vay, mua sắm công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(246.280.239)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.426.650.000	3.308.142.225
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>87.613.000</b>	<b>2.359.414.268</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.521.185.800)	(18.244.374.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(5.521.185.800)</b>	<b>(18.244.374.800)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>3.258.076.412</b>	<b>6.092.845.940</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>18.005.490.451</b>	<b>11.908.879.632</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	669.640	3.764.879
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>21.264.236.503</b>	<b>18.005.490.451</b>



Vũ Văn Thiệu  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Bích Mùi  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà  
Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 05/07/2005 và các Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi.

Vốn điều lệ: 57.029.400.000 đồng.

Danh sách cổ đông:

<b>STT</b>	<b>Tên cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Giá trị cổ phần</b>
1.	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	1.634.114	16.341.140.000
2.	Các cổ đông khác	4.068.826	40.688.260.000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 299 người, tại ngày 31/12/2012 là 332 người.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Công ty có 2 chi nhánh như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc - Trung tâm thời trang TEXTACO  
Địa chỉ chi nhánh: Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vải sợi may mặc miền Bắc - Xí nghiệp Xây dựng  
Địa chỉ chi nhánh: Số 79 Phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Thông tin về Công ty con:

- Công ty TNHH Một thành viên Vải sợi may mặc miền Bắc II  
Địa chỉ: Số 51 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Kinh doanh bất động sản;
- Buôn bán hàng tiêu dùng;
- Xây dựng, kinh doanh dịch vụ kho, nhà xưởng, văn phòng làm việc;
- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt, may, bông, vải, sợi, thuốc nhuộm, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), hàng đồ da và giả da, hàng điện máy, nguyên liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị, nông lâm sản, thực phẩm, thủy sản, vật liệu xây dựng, giấy và văn phòng phẩm.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con và công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09 - DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	<b>Thời gian khấu hao (Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 06
Tài sản cố định khác	04 - 10

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

**Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào công ty con này.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm bao gồm chi phí sửa chữa; công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	455.722.829	228.759.981
Tiền gửi ngân hàng	3.318.513.674	1.116.730.470
Các khoản tương đương tiền (i)	17.490.000.000	16.660.000.000
	<b>21.264.236.503</b>	<b>18.005.490.451</b>

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Tuấn Phong	1.887.994.862	648.876.008
Cơ sở Bùi Đình Hợp	328.485.454	243.805.278
Công ty TNHH TM XNK Hiệp Minh Phát	414.076.104	327.900.874
Công ty TNHH thời trang D.E.S	125.628.800	-
Phạm Thị Kim Oanh	114.963.200	-
Các khách hàng khác	603.084.332	322.276.662
	<b>3.474.232.752</b>	<b>1.542.858.822</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên vật liệu	40.297.897	35.408.581
Công cụ, dụng cụ	2.849.046	13.220.801
Thành phẩm	257.832.219	897.311.297
Hàng hóa	1.552.194.400	1.376.801.901
<b>Cộng</b>	<b>1.853.173.562</b>	<b>2.322.742.580</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(345.857.938)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>1.507.315.624</b>	<b>2.322.742.580</b>

Trong năm 2013, Công ty con trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU B 09-DN/HN**

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản có định khác	Đơn vị: VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	78.734.753.635	6.859.739.325	2.835.215.705	608.493.269	2.612.506.792	91.650.708.726
Mua trong năm	-	-	-	-	1.217.306.363	1.217.306.363
Xây dựng cơ bản hoàn thành	180.086.564	3.928.384.666	-	499.418.229	170.583.705	4.778.473.164
Giảm trong năm		1.355.166.010				1.355.166.010
Thanh lý nhượng bán	180.086.564	2.573.218.656	-	499.418.229	170.583.705	3.423.307.154
Giảm khác (i)						
Tại ngày 31/12/2013	78.554.667.071	2.931.354.659	2.835.215.705	109.075.040	3.659.229.450	88.089.541.925
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	21.024.204.822	6.850.845.902	2.108.178.490	514.064.739	1.716.910.755	32.214.204.708
Khấu hao trong kỳ	2.775.937.272	8.893.423	191.924.839	43.687.185	354.382.518	3.374.825.237
Giảm trong năm	161.237.839	3.928.384.666	-	448.676.884	138.770.372	4.677.069.761
Thanh lý nhượng bán	161.237.839	1.355.166.010				1.355.166.010
Giảm khác (i)		2.573.218.656	-	448.676.884	138.770.372	3.321.903.751
Tại ngày 31/12/2013	23.638.904.255	2.931.354.659	2.300.103.329	109.075.040	1.932.522.901	30.911.960.184
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2013	54.915.762.816	-	535.112.376	-	1.726.706.549	57.177.581.741
Tại ngày 01/01/2013	57.710.548.813	8.893.423	727.037.215	94.428.530	895.596.037	59.436.504.018

Ghi chú: (i) Giảm khác trong năm là do Công ty ghi giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của những tài sản cố định hữu hình không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 8.139.047.021 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	551.157.125
Tăng trong năm	1.696.382.923
Phân bổ vào chi phí trong năm	(757.466.950)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.490.073.098</b>

Chi tiết nội dung số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Năm 2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.335.682.990	304.201.792
Giá trị công cụ dụng cụ phân bổ	7.949.335	246.955.333
Chi phí khác	146.440.773	-
<b>Tổng</b>	<b>1.490.073.098</b>	<b>551.157.125</b>

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty TNHH Kinh doanh XNK Vải sợi Phú Lộc	3.735.563.790	1.317.361.466
Công ty TNHH Thiết bị PCCC Gia Lâm	93.045.600	93.045.600
Các khách hàng khác	162.083.583	56.836.443
<b>Tổng</b>	<b>3.990.692.973</b>	<b>1.467.243.509</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	169.243.286	133.249.776
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.583.302.328
Tiền thuê đất	9.679.570.338	-
Thuế thu nhập cá nhân	29.792.731	24.785.176
<b>Tổng</b>	<b>9.878.606.355</b>	<b>5.741.337.280</b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Số dư phải trả người lao động cuối năm là lương tháng 12, 13 năm 2013 của cán bộ công nhân viên trong Công ty chưa chi trả hết tại ngày 31/12/2013.

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nhận tiền đặt cọc dịch vụ cho thuê kho xưởng	2.102.434.362	1.958.628.000
Kinh phí công đoàn	63.534.970	58.172.723
Tài sản thừa chờ giải quyết	12.363.061	12.363.061
Các khoản phải trả khác	1.621.705.287	381.315.724
<b>Tổng</b>	<b>3.800.037.680</b>	<b>2.410.479.508</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC**Số 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,  
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**MẪU B 09-DN/HN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>2.762.901</b>	<b>2.124.196.508</b>	<b>1.483.661.313</b>	<b>26.963.869.879</b>	<b>87.603.890.601</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.231.716.626	9.231.716.626
Tăng trong năm	-	4.204.081	1.347.822.092	1.347.822.092	-	2.699.848.265
Giảm trong năm	-	(6.966.982)	-	(188.902.496)	(28.472.612.786)	(28.668.482.264)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>57.029.400.000</b>	-	<b>3.472.018.600</b>	<b>2.642.580.909</b>	<b>7.722.973.719</b>	<b>70.866.973.228</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.718.364.506	2.718.364.506
Trích quỹ trong kỳ (i)	-	-	460.000.000	461.957.227	-	921.957.227
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ (i)	-	-	-	-	(7.723.511.831)	(7.723.511.831)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>57.029.400.000</b>	-	<b>3.932.018.600</b>	<b>3.104.538.136</b>	<b>2.717.826.394</b>	<b>66.783.783.130</b>

Ghi chú: (i) Theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 ngày 25/04/2013, lợi nhuận sau thuế năm 2012 được dùng để trích Quỹ Đầu tư phát triển 460.000.000 đồng, Quỹ Dự phòng tài chính 461.585.831 đồng, Quỹ Khen thưởng Phúc lợi 1.000.000.000 đồng, mức chi cổ tức 2012 là 20% trên mệnh giá cổ phiếu, Quỹ Phúc lợi 100.000.000 đồng, Quỹ Khen thưởng của Ban điều hành 100.000.000 đồng, tạm ứng cổ tức năm 2013 với tỷ lệ là 10% trên mệnh giá cổ phiếu. Đến ngày 31/12/2013, cổ tức đã chi tạm ứng là 5.701.926.000 đồng.

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	31/12/2013		01/01/2013	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	16.341.140.000	-	16.341.140.000	-
Vốn góp của các cổ đông	40.688.260.000	-	40.688.260.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>57.029.400.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.777.822.173	28.678.737.028
Doanh thu bán hàng	21.404.523.904	18.043.801.600
Doanh thu khác	235.800.000	1.170.156.364
<b>Tổng</b>	<b>52.418.146.077</b>	<b>47.892.694.992</b>

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.634.774.811	11.174.795.609
Giá vốn hàng bán	20.930.508.052	16.939.224.424
<b>Tổng</b>	<b>29.565.282.863</b>	<b>28.114.020.033</b>

**17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.564.244.736	4.298.701.028
Chi phí nhân công	15.334.499.336	7.359.421.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	803.676.419	1.803.645.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.016.719.002	2.447.392.362
Chi phí khác bằng tiền	8.410.970.125	1.946.855.819
<b>Tổng</b>	<b>37.130.109.618</b>	<b>17.856.016.498</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.135.415.277	2.138.520.335
Cổ tức, lợi nhuận được chia	264.500.000	1.246.018.834
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	669.640	28.860.349
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.764.879
<b>Tổng</b>	<b>1.400.584.917</b>	<b>3.417.164.397</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.359.214	271.234.993
Chi phí nhân công	4.831.076.076	5.263.666.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.930.590	75.023.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.269.159.951	1.741.826.140
Chi phí khác bằng tiền	2.066.834.329	2.322.638.472
<b>Tổng</b>	<b>9.239.360.160</b>	<b>9.674.389.968</b>

**20. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu từ lợi thế thương mại khu số 4, 352 Giải Phóng	-	500.000.000
Thu nhập dịch vụ trông xe, tiền điện	4.129.375.347	4.152.687.781
Thu nhập khác	594.961.368	250.833.737
<b>Thu nhập khác</b>	<b>4.724.336.715</b>	<b>4.903.521.518</b>
Tiền thuê đất nộp bổ sung năm 2011, 2012	8.911.959.144	
Tiền điện	3.787.144.600	
Chi phí khác	1.063.222.959	4.129.337.136
<b>Chi phí khác</b>	<b>13.762.326.703</b>	<b>4.129.337.136</b>
<b>Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động khác</b>	<b>(9.037.989.988)</b>	<b>774.184.382</b>

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>3.858.403.083</b>	<b>12.208.050.159</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.036.161.199	(637.589.910)
- Giảm: Doanh thu không chịu thuế	-	1.097.133.713
- Tăng: Chi phí không được tính thuế	1.036.161.199	459.543.803
<b>Thu nhập chịu thuế, trong đó:</b>	<b>4.894.564.282</b>	<b>11.570.460.249</b>
+ Thu nhập chịu thuế công ty mẹ	4.560.154.310	11.905.334.133
+ Thu nhập chịu thuế công ty con	(608.513.798)	(334.873.884)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, trong đó:</b>	<b>1.140.038.577</b>	<b>2.976.333.533</b>
+ Thuế thu nhập hiện hành công ty mẹ	1.140.038.577	2.976.333.533
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành công ty con	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.140.038.577</b>	<b>2.976.333.533</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)**

Ngoại trừ khoản chi phí không tính thuế nêu trên, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.718.364.506	9.231.716.626
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	5.702.940	5.702.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	477	1.619
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

**23. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tiền cho Ông Vũ Văn Thiệu thuê nhà	22.363.632	-
Trả cổ tức cho các cổ đông	5.701.926.000	18.176.706.600

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lương và thu nhập khác	1.221.033.710	1.431.262.242

**24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty có các hợp đồng thuê đất của Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất Hà Nội về việc thuê đất tại số 352 Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân thuê trong vòng 50 năm từ năm 2004; thuê tại số 79A Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng trong vòng 30 năm từ năm 2003; thuê tại Đức Giang, quận Long Biên trong vòng 30 năm từ năm 2004.

Công ty có thực hiện ký hợp đồng thuê nhà đất với Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội về việc thuê văn phòng tại địa chỉ số 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Theo đó, thời hạn thuê từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/01/2014 với tổng tiền thuê nhà một tháng là 86.507.400 đồng.

Hợp đồng thuê nhà số 116 ngày 06/04/2012 và phụ lục điều chỉnh hợp đồng thuê nhà số 313 ngày 31/12/2012 ký với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà thành phố Hồ Chí Minh, thời gian thuê nhà là 01 năm từ ngày 01/01/2013 đến hết ngày 31/12/2013, giá tiền thuê nhà hàng tháng là 60.000.000 đồng/tháng. Tiền thuê nhà được thanh toán 3 tháng/1 lần trong vòng 30 ngày của tháng đầu quý tiếp theo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	21.264.236.503	18.005.490.451
Nợ thuần	(21.264.236.503)	(18.005.490.451)
Vốn chủ sở hữu	65.840.859.360	70.866.973.228
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>(0,32)</u>	<u>(0,25)</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.264.236.503	18.005.490.451
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.140.356.332	1.639.098.962
<b>Tổng cộng</b>	<u>25.404.592.835</u>	<u>19.644.589.413</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.790.730.653	3.877.723.017
Chi phí phải trả	175.756.255	196.126.005
<b>Tổng cộng</b>	<u>7.966.486.908</u>	<u>4.073.849.022</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5</u>	<u>Trên 5</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.264.236.503	-	-	21.264.236.503
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.140.356.332	-	-	4.140.356.332
<b>Cộng</b>	<b><u>25.404.592.835</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>25.404.592.835</u></b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.790.730.653	-	-	7.790.730.653
Chi phí phải trả	175.756.255	-	-	175.756.255
<b>Cộng</b>	<b><u>7.966.486.908</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>7.966.486.908</u></b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b><u>17.438.105.927</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>17.438.105.927</u></b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5</u>	<u>Trên 5</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.005.490.451	-	-	18.005.490.451
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.639.098.962	-	-	1.639.098.962
<b>Cộng</b>	<b><u>19.644.589.413</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>19.644.589.413</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.877.723.017	-	-	3.877.723.017
Chi phí phải trả	196.126.005	-	-	196.126.005
<b>Cộng</b>	<b><u>4.073.849.022</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>4.073.849.022</u></b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b><u>15.570.740.391</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>15.570.740.391</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.



**Vũ Văn Thiều**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014*

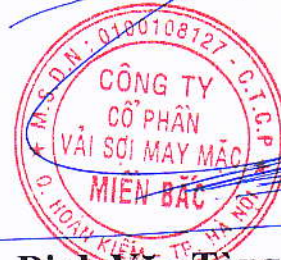
**Nguyễn Thị Bích Mùi**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Đức Hà**  
**Người lập**

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**

(Ký và đóng dấu)



**Đinh Văn Tông**